

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ
DẦU KHÍ - CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 224/TKDK-TCKT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trên BCTC
hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP xin giải trình các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán như sau:

1. Cơ sở ý kiến ngoại trừ:

1.1 Chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục chứng kiến kiểm kê các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định với giá trị tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 0.01 tỷ VND; 630.11 tỷ VND và 4.16 tỷ VND (tại thời điểm ngày 01/01/2025 lần lượt là 1.09 tỷ VND; 639.62 tỷ VND và 0.98 tỷ VND). Vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1.2 Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá sự phù hợp của việc ghi nhận khoản mục Hàng tồn kho (mã số 140) và khoản mục Chi phí phải trả ngắn hạn (mã số 315) trên Báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 630.11 tỷ VND và 11.93 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 lần lượt là 639.62 tỷ VND và 19.72 tỷ VND), khoản mục Giá vốn hàng bán (mã số 11) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025 với giá trị là 124.36 tỷ VND (năm 2024 là 111.29 tỷ VND) do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không cũng như ảnh hưởng của nó đến số liệu các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1.3 Tại thời điểm 31/12/2025, số dư các khoản công nợ phải thu chưa có xác nhận số dư là 227.62 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 265.78 tỷ VND), số dư các khoản công nợ phải trả chưa có xác nhận số dư là 314.04 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2025 là 436.88 tỷ VND). Trong đó, Tổng Công ty đang theo dõi một số khoản phải thu tồn đọng đã lâu và số dư phòng phải thu khó đòi đã trích với tổng giá trị tại ngày 31/12/2025 lần lượt là 193.02 tỷ VND và 134.30 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 195.78 tỷ VND và 139.82 tỷ VND). Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó không xác định được liệu có cần thiết



phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm hay không.

1.4 Theo thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 38 của Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và công ty con là Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd phát sinh vụ kiện với tổng thầu của dự án tổ hợp lọc hóa dầu Rapid tại Malaysia, liên quan đến các phụ phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ còn phải trả cho tổng thầu theo phán quyết cuối cùng của Hội đồng Trọng tài là 12,099,227.99 USD, tương đương với 319.14 tỷ VND (chưa bao gồm lãi chậm thanh toán đến thời điểm ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1.5 Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty con - Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd ("PVE Malaysia"). Đồng thời, chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế cần thiết để đánh giá được các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty con nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với các khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm do ảnh hưởng của Báo cáo tài chính của PVE Malaysia hay không.

1.6 Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty (đính kèm) đang phản ánh tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 có lỗ lũy kế (mã số 421) là 413.88 tỷ VND; Vốn chủ sở hữu (mã số 400) tại thời điểm cuối năm âm 110.48 tỷ VND; Nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) lớn gấp 1.16 lần Tài sản ngắn hạn (mã số 100); Số dư các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 793.40 tỷ VND. Các vấn đề này cùng với các giải trình của Ban Tổng Giám đốc tại Thuyết minh số 2.3 và các cơ sở ý kiến mà chúng tôi đã nêu trên đây cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty vẫn đang được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

1.7 Tại Thuyết minh số 38 của Báo cáo tài chính hợp nhất đang trình bày thông tin về việc Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 11/NQ-TKDK-ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/04/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 29/NQ-TKDK-ĐHĐCĐ thông qua ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty theo Bản án phúc thẩm số 505/2023/QĐDS-PT ngày 25/04/2023. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



2. Giải trình của đơn vị:

** Với các nội dung ngoại trừ trên BCTC:*

Đối với các mục từ 1.1 đến mục 1.2, do tình hình thực tế có đơn vị thành viên công con chưa hoàn thành kịp thời công tác kiểm kê, bên cạnh đó Tổng công ty hoạt động kinh doanh tư vấn thiết kế nên chi phí thực hiện các dự án chủ yếu là chi phí nhân công, trong cùng một thời gian nhân công làm công tác tư vấn thiết kế có thể tham gia vào nhiều dự án nên việc ghi nhận vào chi phí và giá vốn cho từng dự án là chi phí thực tế nhân công đã làm phân bổ cho từng dự án theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ. Đơn vị không thể tính toán chi tiết nhân công để phân bổ theo thời gian thực tế nhân viên làm cho từng dự án.

Đối với mục 1.3, trong năm 2025 Công ty cũng đã thu hồi tốt các khoản công nợ phải thu phát sinh, ngoại trừ các khoản đã lập dự phòng phải thu khó đòi nên việc xác nhận công nợ những khoản này là hầu như không thể xác nhận.

Đối với mục 1.4, vụ kiện liên quan dự án dự án tổ hợp lọc hóa dầu Rapid tại Malaysia: đã có phán quyết từ Hội đồng Trọng tài (ICC) tuy nhiên, do phán quyết không đề cập phân chia giá trị cụ thể cho các bên liên quan (hợp đồng thi công có phân chia phạm vi công việc giữa các thành viên tham gia thực hiện dự án). Bên đối tác cũng đã đưa vụ việc ra Tòa án TP.HCM, hiện Tòa án TP.HCM cũng đang trong quá trình thụ lý, xem xét các nội dung trình bày của các bên liên quan. Vì vậy, chúng tôi cũng không có đủ thông tin khách quan để xác định hiện trạng các khoản ghi nhận sẽ có kết quả cuối cùng cho các bên ra sao. Nên chúng tôi chỉ đánh giá về khả năng thu hồi công nợ liên quan đến đơn vị thành viên Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd là khó đòi và tiến hành trích dự phòng khoản liên quan này.

Đối với mục 1.5, hiện Công ty con - Petrovietnam Engineering (Malaysia) Sdn. Bhd ("PVE Malaysia") không còn nhân sự hoạt động tại Malaysia, đồng thời cũng không có phát sinh nghiệp vụ do phải chờ phán quyết phân chia giá trị với bên liên quan là Công ty mẹ (PVE), nên giữ nguyên hiện trạng của báo cáo trước đó.

Đối với mục 1.6 và 1.7, vấn đề hoạt động liên tục: do chúng tôi là đơn vị hoạt động dựa trên nòng cốt là cán bộ, công nhân viên, là các kỹ sư trình độ chuyên môn cao, thực hiện các công trình có hàm lượng chất xám cao, chúng tôi tin rằng giữ được lực lượng lao động hiện tại là đơn vị còn có khả năng phục hồi. Điều này cũng đã thể hiện trong khoảng thời gian vừa qua, chúng tôi vẫn duy trì được công việc, đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Các ý kiến đã nêu của đơn vị kiểm toán đều dựa theo các chuẩn mực kế toán, kiểm toán hiện hành, việc ngoại trừ của kiểm toán viên là hợp lý và chúng tôi phải chấp nhận. Trước đây, Công ty xác định các nội dung trên có thể được xử lý sớm trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, thực tế đến hiện nay, các vấn đề trên vẫn vướng mắc chưa thể giải quyết xong liên quan đến các thủ tục quyết toán dự án tranh chấp cũng như pháp lý liên quan đến vụ kiện. Công ty nhận thấy khó có thể giải quyết tất cả các vấn đề đã nêu trong thời gian ngắn nên đồng ý với ý kiến ngoại trừ, đồng thời trích lập các khoản dự phòng liên quan đến các dự án chưa thể xử lý, thỏa thuận sớm với các đối tác.

** Về lợi nhuận sau thuế thay đổi trên 10%:*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (VNĐ)	Năm 2024 (VNĐ)	Chênh lệch	
				Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	756.970.632	1.456.082.306	- 699.111.674	- 48%

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 có Lợi nhuận sau thuế đạt 756.97 triệu đồng, giảm 699.11 triệu đồng, tương đương giảm 48% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do giá cả cạnh tranh của các dự án thực hiện trong kỳ nên giá vốn hàng bán tăng 13.064 triệu đồng, tương đương 11,74%, dẫn đến lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 giảm 12.220 triệu đồng so với năm 2024, tương đương giảm 146,5% (trong đó công ty con có mức lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh là 5.187 triệu đồng). Lợi nhuận khác tăng 12.497 triệu đồng do trong năm công ty có hoạt động thanh lý tài sản cố định. Ngoài ra, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này tăng 975 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, Lợi nhuận sau thuế kỳ này so với kỳ trước giảm.

** Về Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán:*

Do việc ghi nhận giá vốn trước kiểm toán chưa đầy đủ làm cho giá vốn tăng đồng thời chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đơn vị chưa tính đủ theo hướng dẫn cách lập báo cáo hợp nhất nên Lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán thấp hơn lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ NGỌC THƯỜNG

